
TÀI CHÍNH CHO PHÁT TRIỂN TẠI VIỆT NAM

Sau khi tốt nghiệp¹ quy chế vay vốn từ Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA)

Khi tốt nghiệp IDA, nguồn tài chính ưu đãi từ Ngân hàng Thế giới, sẽ có những thay đổi lớn diễn ra trong loại hình tài chính phát triển Việt Nam có thể tiếp cận. Oxfam lo ngại sự thay đổi bối cảnh tài chính này sẽ mang tới những thách thức đối với cuộc chiến chống đói nghèo, bất bình đẳng và bất bình đẳng giới ở Việt Nam. Bài thảo luận này tìm hiểu thách thức đó thông qua đánh giá mối quan hệ giữa nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn lực cần thiết dành cho dịch vụ công, tổ chức xã hội dân sự và giảm nợ công ở Việt Nam. Bài viết đưa ra khuyến nghị cho Ngân hàng Thế giới, các nhà tài trợ song phương, cộng đồng toàn cầu và chính phủ Việt Nam.

¹ Một cách hiểu khác của từ "tốt nghiệp" (graduation) là Việt Nam đã "đạt ngưỡng" quy chế vay vốn từ Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA)

TÓM TẮT

Ngày 1 tháng 7 năm 2017, Bolivia, Sri Lanka và Việt Nam chính thức tốt nghiệp quy chế vay vốn từ Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA). Điều này có nghĩa rằng, dựa trên quy chế hiện hành của Ngân hàng Thế giới, các nước này không còn được tiếp cận các nguồn tài chính ưu đãi (các khoản vay và trợ cấp) từ IDA. Các nước này cũng có thể sớm bị giảm tiếp cận tài chính ưu đãi từ các nhà tài trợ khác. Một mặt, tốt nghiệp IDA là tin tốt đối với một quốc gia vì điều này chỉ báo mức tăng trưởng kinh tế đáng kể đã diễn ra. Mặc khác, mất khả năng tiếp cận tài chính ưu đãi cũng có thể tạo ra thách thức và rủi ro lớn cho quốc gia đó, khi mức thu nhập trung bình thường vẫn đi kèm với bất ổn xã hội, hạn chế trong quản trị và bất bình đẳng trong phân phối lợi ích kinh tế.

Ngân hàng Thế giới đang tìm cách đảm bảo quá trình tốt nghiệp IDA có trách nhiệm và bền vững bằng việc nhận diện những thách thức mà các quốc gia sẽ đối mặt đến từ việc tốt nghiệp này. Trên thực tế, các quan chức của Ngân hàng Thế giới cho biết đã có những thay đổi quan trọng trong tiêu chí tốt nghiệp, với những đánh giá nội bộ chomột loạt vấn đề đan xen của các nước để làm cơ sở quyết định tốt nghiệp. Và khi tiến trình tốt nghiệp IDA chính thức diễn ra trên thực tế theo chu kỳ hàng năm của Ngân hàng Thế giới, thì quá trình loại bỏ tiếp cận nguồn tài chính và các lợi ích khác từ IDA có thể diễn ra từ từ.

Trong khi đó, sau Thông cáo của Hội nghị cấp cao (HLM) Ủy ban Hỗ trợ Phát triển (DAC) năm 2017, các nhà tài trợ khác cũng đang cân nhắc phương thức rút viện trợ cho các quốc gia một cách có trách nhiệm. Thông cáo kêu gọi rà soát lại hệ quả của các quá trình chuyển đổi khác nhau trong tiếp cận tài chính phát triển từ tất cả các nguồn. Theo dự đoán, năm 2019, DAC sẽ đưa ra hướng dẫn chung cho tất cả các nhà tài trợ về cách tiếp cận giúp các quốc gia chuyển dần sự phụ thuộc lớn vào nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Ngoài ra, một nhiệm vụ nữa của DAC là thúc đẩy để không còn quốc gia nào phải phụ thuộc vào viện trợ trong tương lai. Tương tự, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) sẽ đẩy mạnh ý tưởng giúp các quốc gia trong “Hành trình tự lực” của họ bằng cách tạo ra khung chính sách hướng dẫn đầu tư bền vững.

Oxfam tin rằng mục đích cuối cùng của viện trợ là tạo ra một thế giới nơi mà viện trợ không còn cần thiết. Tuy nhiên, viện trợ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc giúp các nước thu nhập thấp và trung bình xây dựng thể chế, chống đói nghèo, bất bình đẳng, thúc đẩy bình đẳng giới, khuyến khích quản trị tốt và đáp ứng nhu cầu cứu trợ nhân đạo. Mặc dù một mình viện trợ không đủ để giải quyết những vấn đề này, nhưng viện trợ là cần thiết, đặc biệt khi các quốc gia chưa đủ nội lực hoặc khả năng để gánh thêm các khoản nợ.

Oxfam lo ngại về những rủi ro hết sức thực tế liên quan đến việc một quốc gia tốt nghiệp quá sớm, vì điều này có thể dẫn đến quốc gia đó phải gánh chịu quá nhiều nợ nần (nếu nguồn tài chính phát triển ưu đãi bị thay thế bằng các khoản vay không ưu đãi) hoặc những thành công trong quá khứ sẽ bị đe dọa (nếu các dự án phát triển hoặc dịch vụ thiết yếu không thể hoạt động hiệu quả do thiếu kinh phí). Chính phủ Việt Nam (2015) thừa nhận giảm ODA gây khó khăn về tài chính cho một số hoạt động kinh tế - xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho các nhóm yếu thế và xóa đói giảm nghèo. Rủi ro này cần đặc biệt được lưu ý cùng với tình trạng bất bình đẳng gia tăng do bối cảnh tài chính phát triển thay đổi.

Thông qua nghiên cứu hệ quả của tốt nghiệp IDA tại Việt Nam, chúng tôi kết luận quá trình chuyển đổi tiến tới dừng viện trợ nên được diễn ra chậm hơn so với hiện tại, và làm chậm việc siết chặt các điều khoản cho vay và chuyển đổi từ tài chính ưu đãi sang không ưu đãi. Các quốc gia thu nhập trung bình thấp thường có một số lượng lớn người nghèo và mức độ bất bình đẳng cao, vì thế cần phải phân tích kỹ lưỡng việc kết hợp tài chính ưu đãi và không ưu đãi một cách phù hợp. Chúng tôi đề xuất, việc tốt nghiệp IDA có thể đóng vai trò tham chiếu, điều quan trọng là phải xóa liên kết giữa rút nguồn ODA (không của IDA) với quá trình tốt nghiệp IDA, để các nhà tài trợ khác tiếp tục tạo thêm giá trị thông qua hỗ trợ tài chính và kỹ thuật trong các lĩnh vực phù hợp và khả thi khác.

Oxfam khuyến nghị cần tiếp tục nguồn ODA. Tuy nhiên, khuyến nghị này không có ý định đề xuất tiếp tục nguồn ODA theo hình thức hiện tại, mà bản chất của ODA nên thay đổi sau khi đã phân tích kỹ lưỡng nhằm xác định cơ chế kết hợp nguồn tài chính ưu đãi và không ưu đãi một cách phù hợp. Ngân hàng Thế giới và các nhà tài trợ khác nên định hướng khoản ưu đãi vào chương trình và chính sách tập trung giảm thiểu bất bình đẳng, giảm nghèo, nâng cao năng lực thể chế và tài chính trong dài hạn, đặc biệt thông qua huy động nguồn thu nội địa.

Nhằm cung cấp dịch vụ xã hội cho các cộng đồng có nhu cầu cấp thiết nhất, ODA nên cải thiện năng lực của cả đơn vị tiếp nhận thuộc nhà nước và ngoài nhà nước, bao gồm cả các tổ chức xã hội dân sự. ODA cũng nên được tập trung nhiều hơn vào thúc đẩy các sáng kiến nhằm tăng cường trách nhiệm giải trình do xã hội dân sự chủ trì. Duy trì hỗ trợ cho các sáng kiến bình đẳng giới và cung cấp nguồn lực cho các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo đóng vai trò quan trọng trong những nỗ lực này. Oxfam hiểu rằng khi nguồn tài chính ưu đãi được tiếp tục dành cho nước thu nhập trung bình thấp đồng nghĩa với các khoản trợ cấp và khoản vay ưu đãi sẽ ít hơn dành cho nước thu nhập thấp. Do đó, điều cực kỳ quan trọng là nguồn lực khan hiếm này nên được sử dụng hiệu quả nhất nhằm đảm bảo ODA là chất xúc tác cho phát triển xã hội và thể chế chứ không chỉ đơn thuần là nguồn tiền tạo ra dịch vụ và cơ sở hạ tầng, bởi các nguồn lực này có thể được huy động thông qua các hình thức khác, bao gồm thu ngân sách nội địa và đầu tư từ khu vực tư nhân trong lĩnh vực thích hợp.

Báo cáo này tập trung vào tình hình của Việt Nam, quốc gia được đánh giá là một trong số các quốc gia chuẩn bị tốt nhất cho tốt nghiệp IDA với các thành tích tăng trưởng và giảm nghèo trong thời gian gần đây. Dẫu vậy, Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức về phát triển và quản trị, điều được dự báo sẽ trở nên trầm trọng hơn nếu việc tốt nghiệp IDA dẫn tới sụt giảm mạnh trong tiếp cận tài chính ưu đãi. Tìm hiểu sâu những thách thức này đối với một đất nước được coi là chuẩn bị tốt giúp làm sáng tỏ quy mô thách thức đối với các quốc gia khác đang trong quá trình tốt nghiệp nhưng có bối cảnh ít thuận lợi hơn.

DANH MỤC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM ĐANG THAY ĐỔI

Tổng vốn ODA ròng dành cho Việt Nam tăng đều trong giai đoạn 1990-2014 (đạt đỉnh 4,2 tỷ USD năm 2014), nhưng sau đó giảm tương đối mạnh xuống mức 2,9 tỷ USD vào năm 2016. Tỷ lệ vốn ODA trên GDP giảm trong hai thập kỷ qua từ 5,4% năm 2000 xuống chỉ còn 1,4% năm 2016, phần lớn do GDP tăng nhanh. Như phân tích chi tiết trong Phần 2 của báo cáo đầy đủ, mức tăng trưởng kinh tế này sẽ không đạt được nếu không có dòng vốn viện trợ.

Vốn ODA cho Việt Nam gần đây phần lớn được dành vào lĩnh vực kinh tế. Giai đoạn 2011-2015, 53% vốn ODA được phân bổ cho lĩnh vực giao thông-vận tải, phát triển đô thị, năng lượng và công nghiệp. Mặt khác, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, y tế, và giáo dục lần lượt chỉ nhận được 9,5%, 4,7% và 3,4% tổng vốn ODA. Năm 2016, sự mất cân bằng này trở nên rõ rệt hơn, với tỷ lệ ODA trong các ngành kinh tế tăng lên mức 68%. Do đó, khi tổng vốn ODA giảm, phân bổ nguồn vốn này vào lĩnh vực xã hội cũng ít dần đi.

Việc phần lớn dòng vốn ODA dành cho Việt Nam trong thời gian gần đây đi vào các dự án kinh tế cũng sẽ tạo ra cơ hội cho Việt Nam, vì ODA có thể được thay thế bằng hoạt động đầu tư của khu vực tư nhân vào một dự án kinh tế sẽ dễ dàng hơn là đầu tư vào lĩnh vực xã hội. Nếu khu vực tư nhân có thể thay thế thành công ODA trong lĩnh vực kinh tế, thì các khoản ODA đang ít dần trong tương lai nên được tập trung vào lĩnh vực xã hội, và như vậy sẽ không làm giảm lượng ODA đầu tư vào lĩnh vực xã hội. Thêm vào đó, do mức độ sẵn có giảm, nên lượng vốn ODA còn lại cần tập trung chủ yếu vào nâng cao năng lực thể chế và tài chính (ví dụ: viện trợ cho tăng huy động nguồn thu ngân sách) cho các chủ thể của cả chính phủ và xã hội dân sự. Điều này đảm bảo sẽ cần ít sự hỗ trợ từ bên ngoài hơn trong tương lai.

Giai đoạn 2011-2013, tổng số vốn từ các nhà tài trợ trên tổng chi ngân sách cho lĩnh vực giáo dục của Việt Nam ở mức rất nhỏ, khoảng 2,25%. Thoạt nhìn, điều này dường như cho thấy viện trợ không quan trọng đối với ngành giáo dục. Tuy nhiên, nó bỏ qua thực tế rằng các nhà tài trợ đóng vai trò quan trọng trong tạo ra đòn bẩy chi tiêu của Chính phủ cho giáo dục, đặc biệt giúp giáo dục cho các nhóm yếu thế trong xã hội. Do đó, tiếp tục giảm ODA sẽ tạo rủi ro cho ngành giáo dục, đặc biệt tính đến nay IDA vẫn là nhà tài trợ lớn nhất cho các chương trình giáo dục ở Việt Nam. Điều tương tự cũng sẽ xảy ra đối với lĩnh vực cung cấp nước.

Liên quan đến thúc đẩy bình đẳng giới, cho đến nay, hầu hết các chương trình về giới tại Việt Nam đều nhận hỗ trợ từ bên ngoài. ODA tạo điều kiện thuận lợi cho sự đổi thay trong lĩnh vực này thông qua đưa ra những ý tưởng mới để cải cách, thúc đẩy những thành viên có ý tưởng cải cách tích cực trong các bộ, ngành chủ chốt và tạo ra bằng chứng cho đối thoại chính sách, những điều chưa từng tồn tại trước đây. Sẽ không phù hợp khi tuyên bố một mình ODA đóng góp vào thành tựu về bình đẳng giới ở Việt Nam. Tuy nhiên, phải thừa nhận nó đã đóng một vai trò rất lớn. Theo những người thực hành giới ở địa phương, nhiều chương trình được tài trợ bằng vốn ODA có ảnh hưởng đến chính sách và quá trình ra quyết định của Chính phủ, giúp tạo dựng chính sách, luật pháp và văn bản pháp luật theo hướng ủng hộ cải cách. Khi ODA giảm, cơ hội duy trì đối thoại có thể bị giảm đi đáng kể, dẫn đến nguy cơ mất động lực thay đổi chính sách vì người nghèo.

Tại Quyết định 251/QĐ-TTg (ban hành vào tháng Hai năm 2016) Chính phủ Việt Nam đã chi tiết hóa ý định tập trung vào thu hút, quản lý và sử dụng ODA cho giai đoạn 2016-2020. Quyết định này ghi rõ, Việt Nam “tích cực và chủ động huy động các nguồn vốn ngoài nước, trong đó nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi tiếp tục có vai trò quan trọng [để hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016-2020].” Ngoài những quy định tại Quyết định 251, suy giảm vốn ODA thời gian gần đây chủ yếu được bù đắp bằng gia tăng vay nợ trong nước. Tuy nhiên, hiệu quả quản lý tài chính công của Việt Nam vẫn còn tương đối yếu và ngành ngân hàng Việt Nam vẫn đang thiếu tính ổn định. Điều này đã tạo ra những khó khăn trong huy động thêm nguồn lực trong nước dành cho phát triển.

TÁC ĐỘNG ĐẾN BỀN VỮNG NỢ CÔNG CỦA VIỆT NAM

Với nguy cơ giảm vốn ODA trong tương lai, Chính phủ Việt Nam cần phải dựa vào các nguồn thu khác để thay thế. Sự thiếu hụt này có thể được thay thế bằng vay các nguồn tài chính không ưu đãi đắt đỏ hơn, nhưng sẽ ảnh hưởng không chỉ đến khoản thu sẵn có (ví dụ, do phải khoản thanh toán lãi nhiều hơn), mà còn cả mức độ bền vững của nợ công.

Nợ công nước ngoài, bao gồm của khu vực công và khu vực được nhà nước bảo lãnh (PPG) của Việt Nam ở mức 47,1 tỷ USD vào năm 2016. Nợ công trong nước đã tăng từ 34,6 tỷ USD năm 2012 lên ước tính 78,5 tỷ USD vào năm 2016. Do đó, tổng nợ công tăng từ 74,5 tỷ USD năm 2012 lên đến 125,6 tỷ USD vào năm 2016, tăng tới 68,6% chỉ trong vòng bốn năm. Gia tăng nợ công, và đặc biệt chuyển sang nợ công trong nước không ưu đãi, đồng nghĩa với việc càng ngày Chính phủ phải chi càng nhiều cho nghĩa vụ trả nợ và do đó ngày càng có ít nguồn lực để sử dụng cho các can thiệp quan trọng khác trong các lĩnh vực phát triển. Hơn nữa, mức tăng nợ công này đang cao hơn đáng kể so với tăng trưởng GDP.

Sử dụng các chỉ số kinh tế vĩ mô hiện tại (2014-2016), phân tích của Oxfam cho thấy nếu quy mô nợ ưu đãi của Việt Nam giảm dần từ mức hiện tại về không USD đến năm 2030, thì tỷ lệ nợ công trên GDP sẽ tăng từ khoảng 60% năm 2015 lên đến gần 90% vào năm 2030. Cũng theo kịch bản này, tỷ lệ nghĩa vụ trả nợ trên thu ngân sách cũng dự kiến tăng từ 41% năm 2015 lên 75% năm 2030. Mặt khác, nếu giữ nguyên mức nợ ưu đãi như giai đoạn 2014-2016, nợ công Việt Nam có thể sẽ bền vững.

Nếu Việt Nam muốn giữ nợ công được bền vững, Chính phủ Việt Nam cần thực hiện ít nhất một trong ba hành động sau đây: (1) tăng tỷ lệ thu ngân sách trên GDP, (2) giảm tỷ lệ chi ngân sách trên GDP và/hoặc (3) ổn định quy mô các khoản nợ vay ưu đãi trên tổng nợ công nước ngoài. Với khó khăn trong việc tăng nguồn thu từ thuế có tính công bằng ở trong nước và dự kiến giảm thuế xuất nhập khẩu, Việt Nam chắc chắn sẽ gặp khó khăn khi muốn tăng nhanh tỷ lệ thu ngân sách trên GDP. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng là Chính phủ cần có bước đi táo bạo để làm điều được đó, vì nguồn vốn từ khu vực tư nhân là không đủ và không phù hợp để đầu tư vào một số dịch vụ thiết yếu, đặc biệt là dịch vụ y tế và giáo dục. Điều này cũng cần được thực hiện theo hướng không đặt gánh nặng lên nhóm người dân nghèo nhất và dễ bị tổn thương nhất. Chính phủ Việt Nam có thể thực hiện một số cải cách thuế lũy tiến với quyết tâm chính trị và có sự hỗ trợ thích hợp. Chỉ số Cam kết giảm bất bình đẳng năm 2018 và Báo cáo Công bằng Thuế Việt Nam 2017 cho thấy, trong khi cơ cấu thuế của Việt Nam nhìn chung có tính lũy tiến, hệ thống thuế có thể được cải thiện bằng cách tăng nguồn thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp; giữ thuế giá trị gia tăng (VAT) ở mức ổn định; đẩy mạnh hệ thống thuế tài sản; loại bỏ ưu đãi thuế có tính bất lợi, và giảm mức độ trốn thuế.

KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

Khuyến nghị quan trọng đầu tiên đó là, mặc dù đã tốt nghiệp IDA, Việt Nam nên tiếp tục được tiếp nhận các nguồn ODA khác để tập trung vào cải thiện lĩnh vực phát triển xã hội, củng cố thể chế và huy động nguồn lực nội địa. Khuyến nghị này không có ý định đề xuất tiếp tục nguồn ODA theo hình thức hiện tại. Thay vào đó, Oxfam khuyến nghị Việt Nam nên tiếp nhận ODA có sự kết hợp giữa tài chính ưu đãi và không ưu đãi một cách phù

hợp, được xác định thông qua quá trình phân tích kỹ lưỡng. Đồng thời, phân bổ nguồn tài chính ưu đãi cho các chương trình và chính sách chống lại đói nghèo, bất bình đẳng và bất bình đẳng giới mạnh mẽ nhất. Rút thêm vốn ODA khỏi Việt Nam có thể tạo ra tác động bất lợi cho sự phát triển của Việt Nam trong tương lai. Khuyến nghị này dựa trên nhiều bằng chứng thực tế:

- Thứ nhất, dòng vốn ODA ròng vào Việt Nam tăng từ 0,18 tỷ USD năm 1990 lên mức cao nhất 4,23 tỷ USD năm 2014, sau đó bắt đầu giảm mạnh, xuống còn 2,89 tỷ USD vào năm 2016. Mặc dù lượng vốn ODA ròng vào Việt Nam chỉ ở mức nhỏ so với GDP, bằng 1,41% vào năm 2016 và ước tính bằng 1,35% năm 2019, nhưng có sự đồng thuận rộng rãi rằng thành tựu của Việt Nam trong phát triển xã hội đã được thúc đẩy nhờ viện trợ dù thiếu hụt và bất bình đẳng lớn vẫn còn tồn tại.
- Thứ hai, phân tích của chúng tôi chỉ ra rằng mặc dù Chính phủ Việt Nam hiện đã có một số giải pháp để tăng nguồn tài chính phát triển ngoài vốn ODA, nhưng trên thực tế có rất ít không gian để tăng hoặc duy trì tỷ lệ thu ngân sách trên GDP ở mức tương đối cao. Hầu hết các dự báo trung hạn cho thấy thu ngân sách/GDP có xu hướng giảm. Tăng nguồn tài chính cho phát triển từ vốn vay nước ngoài không ưu đãi hoặc vốn vay trong nước đều đe dọa nghiêm trọng đến tính bền vững nợ công của Việt Nam (cho dù tính bền vững nợ công nước ngoài hiện chưa thực sự bị đe dọa do quy mô xuất khẩu lớn). Tuy nhiên, nghĩa vụ trả nợ đối với nợ công không thể được thực hiện bằng hoạt động xuất khẩu mà phải bằng nguồn thu của Chính phủ. Các phân tích hiện tại về tính bền vững nợ nước ngoài của Việt Nam hiện đang nhằm lẫn nghiêm trọng, khi những phân tích này không tính tới năng lực chi trả cho nghĩa vụ nợ đang tăng nhanh của Việt Nam, bao gồm cả khoản vay ưu đãi hiện tại.

Khuyến nghị quan trọng thứ hai là Chính phủ Việt Nam cần linh hoạt hơn trong việc cho phép vốn ODA trực tiếp dành cho các sáng kiến địa phương và các tổ chức xã hội dân sự đã chứng minh được năng lực thực tế. Mặc dù ODA vẫn đóng vai trò nhất định cung cấp vốn cho Chính phủ, nhưng ngày càng có nhiều sáng kiến địa phương trên cơ sở lấy người dân làm trung tâm, ủng hộ nỗ lực do người dân làm chủ nhằm tạo ra trách nhiệm giải trình, từ đó cải thiện cung cấp dịch vụ xã hội. Do gần như tất cả các dự án bình đẳng giới ở Việt Nam được hỗ trợ bởi vốn ODA, chiến lược rút vốn phải đảm bảo các dự án này sẽ được tiếp tục triển khai và các dự án khác trong tương lai vẫn được hỗ trợ.

Thứ ba, trong khi có những lập luận thuyết phục để Chính phủ Việt Nam triển khai cách tiếp cận rõ ràng rằng nhà nước phải đứng ra quản lý vốn ODA nhằm ưu tiên cho nhu cầu phát triển đã được vạch ra từ Chính phủ, thì hiệu quả vốn ODA vẫn sẽ được cải thiện nhờ sự tham gia của các chủ thể khác trong xã hội (hay còn gọi, “xã hội hóa”), bao gồm cả đơn vị tiếp nhận vốn thuộc nhà nước và ngoài nhà nước, giúp đảm bảo viện trợ đến được với người dân và những cộng đồng vẫn còn tỷ lệ nghèo đói cao.

Thứ tư, vẫn có một loạt nguồn tài chính phát triển bổ sung, nếu khai thác hiệu quả, sẽ giúp Việt Nam đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) mà không đe dọa tính bền vững nợ công. Nguồn lực này bao gồm vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đầu tư gián tiếp nước ngoài (PI), kiều hối, quỹ đầu tư Chính phủ, trái phiếu Việt kiều, và nguồn lực trong nước do cá nhân nắm giữ (ví dụ: vàng). Không phải tất cả nguồn lực này đều đã được và có thể khai thác tại thời điểm này. Tuy nhiên, Chính phủ cần quản lý rủi ro và tránh các chi phí không mong muốn liên quan đến các dòng tài chính này, như những gì đã diễn ra đối với hợp tác công tư trong thời gian gần đây. Phải đảm bảo nguồn lực công vẫn được duy trì ổn định nhằm giải quyết các nhu cầu về chính sách và các lĩnh vực của

các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) cũng như tiến độ huy động nguồn lực trong nước (DRMs).

Thứ năm, do hệ thống tài chính quốc tế nhạy cảm với khủng hoảng, Việt Nam cần chủ động hơn trong định hình và thực hiện chiến lược phòng ngừa khủng hoảng theo cả cấp độ khu vực và toàn cầu, đảm bảo những bất ổn tài chính tạm thời không tạo ra các khủng hoảng trong nước. Điều này ngày càng trở nên quan trọng đối với Việt Nam khi đã hội nhập sâu hơn vào hệ thống tài chính thế giới và do đó trở nên dễ bị tổn thương hơn trước những cuộc khủng hoảng như vậy.

Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng đó là, mặc dù không được thảo luận chi tiết trong báo cáo này, nhưng vì Việt Nam là một trong năm quốc gia ven biển đang phát triển chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu, nên Việt Nam cần đẩy mạnh nỗ lực thiết kế hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trong các chương trình phát triển của ngành và địa phương. Huy động nguồn lực cho hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, thúc đẩy hiểu biết về biến đổi khí hậu trong hệ thống giáo dục và truyền thông đại chúng. Thúc đẩy đầu tư nguồn nhân lực và kỹ năng cần thiết để chống lại tác động của biến đổi khí hậu, yếu tố thường ảnh hưởng lớn đến các nhóm người nghèo và dễ bị tổn thương nhất.